

Bài Văn Tín Tâm

Đời Tùy, Tam Tổ Tăng Xán Sáng Tác
Thánh Tri Phong Việt Dịch Lời Nghĩa
(Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh Vol. 48, No. 2010)

Lời Tựa

Tín Tâm Minh hay Bài Văn Tín Tâm được Tam Tổ Tăng Xán làm vào đời nhà Tùy bên Trung Quốc. Ngài là một vị thiền sư đã Kiến Tánh Liễu Đạo đương thời được truyền tâm ấn và y bát bởi Nhị Tổ Huệ Khả, và là thầy của Tứ Tổ Đạo Tín. Đã khiến cho Phật pháp được sáng tỏ cả một góc trời. Sử sách còn ghi rằng ngoài truyền y bát và tâm ấn cho Tứ Tổ Đạo Tín, Tổ Tăng Xán còn ấn chứng cho ngài Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi, vị sư người Ấn Độ sang Trung Quốc tham học lúc bấy giờ. Sau đó, ngài Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi theo lời Tổ Tăng Xán dạy mà đến đất phương Nam giáo hóa. Do vậy thiền phái Tì-Ni-Đa-Lưu-Chi ở Việt Nam từ đó mà có và từng sáng chói một thời.

Bản dịch này được trích ra từ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh Vol. 48, No. 2010. Bởi vì lời dạy của Tổ Tăng Xán quá sâu sắc, súc tích, và bao hàm trong 584 chữ Hán, cũng như mỗi chữ mỗi câu, nói ngược nói xuôi đều thông suốt lẫn nhau, nên người dịch không thể nào Việt dịch đúng 584 chữ được. Vì vậy mà phải dựa theo ý chỉ để dịch ra lời nghĩa. Nếu dịch như các bản dịch trước thì khó mà thấu rõ được. Đồng thời người dịch cũng có kèm theo bản chữ Hán và Hán-Việt đi đôi với nhau cho dễ thấy, dễ đọc, dễ học, và dễ nghiên cứu. Tuy là dịch lời nghĩa nhưng cũng không phải là việc dễ làm, bởi nếu không từng nghiên cứu và đi cùng một đường Tâm này thì những lời dạy của Tổ khó mà lãnh hội được, thì lấy đâu mà dịch cho rõ ràng được! Do vậy, nên phải khế mình theo khuôn phép của cổ đức đi trước như dựa chính vào bài *Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải* của Thiền Sư Trung Phong Minh Bồn (1263 – 1323) ở cuối thời Nam Tống, đầu thời nhà Nguyên, do cố Hòa Thượng Thích Duy Lực Việt dịch.

Người dịch đã cố gắng hết sức để dịch nghĩa bài Tín Tâm này cho rõ ràng và khế hợp với ý chỉ Thiền Tông và tinh yếu của Phật pháp. Tuy nhiên cũng không sao tránh khỏi lỗi lầm sai sót bởi vì còn là người trong đường mê sinh tử. Còn bài văn này là của người đã hoàn toàn giác ngộ giải thoát. Há có thể đem tâm thức phàm tình mà suy lường chỗ tình thức không tới được của Phật, của Tổ ư? Càng suy lường thì càng không tới được. Do vậy câu đầu tiên Tổ dạy là **“Chí Đạo vô nan, duy hiềm gián trạch”** [Đạo cùng tột thì không có gì khó, chỉ sợ còn tình thức phân biệt mà thôi (câu 1)] là vậy.

Đã là người sống trong thế giới tương đối thì phải thuận theo sự tương đối mà sống và tu cho phù hợp. Người của thời đại nào, dù đã giác ngộ hay chưa giác ngộ, từ xưa đến nay và mãi tận vị lai cũng phải thế. Cái thân vật chất vốn thuộc về thế giới tương đối. Lúc xưa thân tứ đại do nhân duyên hòa hợp mà thành, hiện tại thân tứ đại nương gá nơi các duyên mà duy trì, và tương lai cũng phải theo nhân duyên biệt ly mà trả về cho tứ đại. Có hội tụ thì phải có chia lìa, đó là thuận theo sự tương đối đó vậy. Muốn không thuận theo cũng không thể được!

Vậy thì với sự tu học và hành Phật pháp của chúng ta trong hiện tại cũng phải tùy thuận nhân duyên nghiệp quả trong tương đối mà làm. Đối với người đã giác ngộ thì không có việc đem tâm cầu Đạo, bởi Tâm chính là Đạo, Đạo chính là Tâm vậy, nên Tổ cũng dạy **“*Tương tâm dụng tâm, khởi phi đại thác*”** [đem tâm dụng tâm, há chẳng phải là làm lớn đó sao? (câu 42)]. Hơn nữa bài văn nói **“*Ngôn ngữ đạo đoạn, phi khứ lai kim*”** [đường ngôn ngữ dứt, chẳng phải là quá khứ, hiện tại, hay vị lai (câu cuối 73)], lại nói **“*Mãn kỳ sở dĩ, bất khả phương tỷ*”** [Nó bật hết mọi lý giải, chẳng thể thí dụ được (câu 51)] thì làm sao và lấy gì để cầu? Lại trong mười phương ba đời không có chỗ nào là không phải Đạo, Đạo luôn rõ ràng ở ngay trước mắt [**“*Vô tại bất tại, thập phương mục tiền*”** (câu 65)], đâu do cầu mà được?!

Còn đối với người chưa giác ngộ thì chưa thể thấy biết được việc ấy, nên cũng chưa thể tin nổi được việc ấy, nên Tổ nói **“*Tiểu kiến hồ nghi chuyển cấp chuyển tri*”** [Người mê thấy biết nhỏ hẹp nên sinh tâm nghi ngờ, muốn gấp thì lại càng trễ (câu 32)]. Do vậy nên Tổ mới làm bài văn Tín Tâm này để khuyên tín kẻ ‘tiểu kiến hồ nghi’ vậy. Cho nên phải buộc lòng đem tâm thành mà cầu Đạo vậy. Nếu không thì biết đâu mà vào, biết đâu mà xu hướng tới? Phải mượn Văn Tự Bát Nhã để Quán Chiếu Bát Nhã mà chứng Thật Tướng Bát Nhã vậy (*nói thế cũng là miễn cưỡng mà nói bởi Đạo đã không có chỗ để cầu thì lấy chỗ nào để chứng?*). Há chẳng từng nghe trong quá khứ đức Thế Tôn cũng đã xả bao thân mạng để cầu Đạo và chư Tổ cũng chẳng quảng ngàn dặm xa xôi mệt nhọc để cầu Pháp đó hay sao? Hơn nữa Tổ cũng dạy **“*Bất thức huyền chỉ đồ lao niệm tĩnh*”** [Nếu chẳng biết cái Tâm Yếu Sâu Xa, thì uổng công tịnh niệm (câu 6)]. Phải biết đường mà tu, hướng để vào, nếu không chỉ uổng công lao nhọc tịnh niệm, đi loanh quanh ngoài cửa Đạo mà thôi. Do vậy đành phải tạm mượn cái tướng và nương nơi sự tương đối để biết mà đi bằng đường Tâm vào bản Thể Tuyệt Đối vậy.

Ồi! Đạo rộng lớn thênh thang thế ấy mà không có chỗ vào! Rộng lớn thênh thang thế ấy mà đường tơ chẳng lọt! Tại sao thế? Bởi vì còn tình thức phân biệt vậy! Cho nên Tổ dạy **“*Hào ly hữu sai, thiên địa huyền cách*”** [Hễ còn mảy may tình thức phân biệt, thì cũng như đất trời xa cách nhau vậy (câu 3)]. Lại nói **“*Chấp chi thất độ, tất nhập tà lộ*”** [Hễ chấp thì lạc phương hướng, tâm sẽ rời vào đường tà (câu

33)]. Vậy, muốn vào Đạo này thì phải làm sao? Nói muốn cũng là tạm bàn, chứ kỳ thật móng khởi một cái tâm muốn thì cũng trạch đường, cách Đạo rồi vậy. Nên bài văn nói **“Tài hữu thị phi, phân nhiên thất tâm”** [Vừa có phải quấy lằng xằng, thì lạc mất bản Tâm (câu 22)]. Tổ đã từ bi phương tiện miễn cưỡng mà chỉ cho những kẻ lầm mê như mình cách để vào Đạo như sau: Nếu đừng có tâm yêu ghét, thì Tâm này tự nhiên thông suốt minh bạch (câu 2); nếu muốn Tánh Giác hiện tiền, thì chớ còn tâm thuận nghịch (câu 4); chẳng cần cầu chơn, chỉ cần dứt hết sở kiến hai đầu thì toàn thể tức chơn (câu 20); muốn hướng tới Đạo Nhất Thừa, thì chớ có chán ghét lục trần (câu 38); lục trần chẳng ghét, thì cùng về với Chánh Giác (câu 39); và nếu muốn mau tương ưng, chỉ nói Bất Nhị (câu 61).

Nói cho cùng thì chẳng ngoài việc buông xuống tình thức phân biệt vậy. Cho nên Tổ nói **“Đắc thất thị phi, nhất thời phóng khước”** [Được mất phải trái, phải cùng một lúc buông bỏ hết (câu 46)], bởi vì **“Đa ngôn đa lự, chuyển bất tương ưng”** [Nói nhiều lo nhiều, loanh quanh mãi thì càng chẳng tương ưng với Đạo (câu 15)], còn **“Bất kiến tinh thô, ninh hữu thiên dăng”** [Nếu không còn thấy có đẹp xấu, thì đâu có thiên lệch bên nào? (câu 30)], và **“Tuyệt ngôn tuyệt lự, vô xứ bất thông”** [Nếu dứt hết nói năng bật hết lo nghĩ, thì chỗ nào chẳng thông? (câu 16)], bởi vì **“Phóng chi tự nhiên, thể vô khứ trụ”** [Tâm chấp đã buông thì tự nhiên vắng lặng, bởi bản thể vốn không có đi ở (câu 34)]. Muốn được vậy thì phải **“Tu du phản chiếu, thẳng khước tiền không”** [Nếu soi chiếu ngược lại, thì hơn hăng cảnh Không trước mặt (câu 18)] bởi vì **“Quy căn đắc chỉ, tùy chiếu thất tông”** [Trở về cội gốc thì được Ý Chỉ, đuổi theo chiếu soi lại mất bản Tông (câu 17)]. Do vậy mà nói **“Nhất tâm bất sanh, vạn pháp vô cửu. Vô cửu vô pháp, bất sanh bất tâm”** [Nếu một tâm chẳng sanh, thì muôn pháp không có lỗi (câu 24); Không có lỗi thì không có pháp, pháp chẳng sanh thì tâm ấy tự tịch (câu 25)]. Tâm ấy tự tịch tức là Bồ Đề, là Đạo, là Niết Bàn đó vậy. Nên Ngô Tánh Luận nói: **“Tịch diệt là Bồ Đề vì diệt hết các tướng”** và Kinh Đại Bát Niết Bàn cũng nói: **“Chư hành vô thường, thị sinh diệt pháp, sinh diệt diệt dĩ, tịch diệt vi lạc.”**

Nay đã có bản đồ Tín Tâm Minh trong tay, đã biết chỗ mà thu hướng tới, đã biết đường mà quay về nhà, thì từ nay nương theo đó mà đi thẳng cho đến tận đầu nguồn, chẳng còn quanh co nhiều lối rẽ chi cho lao nhọc oan uổng nữa. Vậy hãy cùng nhớ lời Tổ dạy rằng: **“Chí Đạo vô nan, duy hiềm giản trạch!”**

Thánh Tri Kính Viết
Cuối Thu, 2016
San Antonio, TX, Hoa Kỳ

Bài Văn Tín Tâm

Đời Tùy, Tam Tổ Tăng Xán Sáng Tác
Thánh Tri Phỏng Việt Dịch Lời Nghĩa
(Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh Vol. 48, No. 2010)

Dịch Lời Nghĩa

1. Đạo cùng tốt thì không có gì khó, chỉ sợ còn tình thức phân biệt mà thôi
2. Nếu đừng có tâm yêu ghét, thì Tâm này tự nhiên thông suốt minh bạch
3. Hễ còn máy may tình thức phân biệt, thì cũng như đất trời xa cách nhau vậy
4. Nếu muốn Tánh Giác hiện tiền, thì chớ còn tâm thuận nghịch
5. Nếu chấp hai bên thuận nghịch, thì đó là tâm bệnh
6. Nếu chẳng biết cái Tâm Yếu Sâu Xa, thì uổng công tịnh niệm
7. Tâm này tròn đầy như hư không, không thiếu không dư
8. Do còn có thủ xả, nên không được NHƯ NHƯ
9. Đừng chạy theo cái Có, cũng chớ trụ cái Không
10. Trọn một Tâm bình đẳng, thì mọi tình chấp Có Không đều tự dứt sạch
11. Ngưng động về tịnh, thì tịnh càng thêm động
12. Cứ chấp hai bên động tịnh, thì đâu biết rằng chúng vốn là một thứ
13. Nếu một thứ chẳng thông, thì chạy theo hai đầu là uổng công phí sức
14. Muốn trừ cái Có lại bị kẹt nơi Có, còn chạy theo Không thì trái với Không
15. Nói nhiều lo nhiều, loanh quanh mãi thì càng chẳng tương ưng với Đạo
16. Nếu dứt hết nói năng bật hết lo nghĩ, thì chỗ nào chẳng thông?
17. Trở về cội gốc thì được Ý Chỉ, đuổi theo chiếu soi lại mất bản Tông
18. Nếu soi chiếu ngược lại, thì hơn hẳng cảnh Không trước mặt
19. Thấy cảnh không trước mặt theo duyên đổi thay, đều là do vọng thấy
20. Chẳng cần cầu chơn, chỉ cần dứt hết sở kiến hai đầu thì toàn thể tức chơn
21. Chẳng trụ chơn chẳng trụ vọng, cần thận chớ đuổi theo tìm
22. Vừa có phải quấy lãng xăng, thì lạc mất bản Tâm
23. Hai do một mà có, một cũng đừng nên giữ
24. Nếu một tâm chẳng sanh, thì muôn pháp không có lỗi
25. Không có lỗi thì không có pháp, pháp chẳng sanh thì tâm ấy tự tịch
26. Tâm năng niệm theo cảnh sở niệm mà diệt, cảnh cũng theo tâm mà mất
27. Cảnh do tâm năng niệm mà thành cảnh, tâm do cảnh sở niệm mà thành tâm
28. Nên biết hai bên tâm cảnh, vốn là một cái Không
29. Một cái Không này đồng với hai tâm cảnh kia, đều bao hàm vạn tượng
30. Nếu không còn thấy có đẹp xấu, thì đâu có thiên lệch bên nào?
31. Bản thể của Đạo lớn rộng khắp, nên chẳng có sự khó dễ tương đối
32. Người mê thấy biết nhỏ hẹp nên sinh tâm nghi ngờ, muốn gấp thì lại càng trễ

33. Hễ chấp thì lạc phương hướng, tâm sẽ rời vào đường tà
34. Tâm chấp đã buông thì tự nhiên vắng lặng, bởi bản thể vốn không có đi ở.
35. Thuận theo Tánh hợp với Đạo, thì an nhàn tự tại không còn phiền não
36. Buộc niệm thì trái chơn, hôn trầm thì chẳng tốt
37. Nếu không tốt xấu thì chẳng nhọc tinh thần, nên đâu cần trừ bỏ hai bên
38. Muốn hướng tới Đạo Nhất Thừa, thì chớ có chán ghét lục trần
39. Lục trần chẳng ghét, thì cùng về với Chánh Giác
40. Người trí thì vô vi tự tại, kẻ ngu do chấp trước nên tự trói buộc mình
41. Các pháp vốn không đồng dị, do tự vọng sanh ái chấp mà thành ra khác biệt
42. Do vậy đem tâm dụng tâm, há chẳng phải là làm lớn đó sao?
43. Mê thì sanh tâm chấp trước nơi động tịnh, còn ngộ thì chẳng có tốt xấu
44. Tất cả hai bên đối đãi, đều do tự vọng sanh những suy lường nghĩ tưởng
45. Việc mộng huyễn như hoa đốm trên không, thì đâu cần lao nhọc nắm bắt
46. Được mất phải trái, phải cùng một lúc buông bỏ hết
47. Ví như mắt nếu không ngủ, thì mộng tự dứt
48. Tâm nếu chẳng cho là có khác, thì muôn pháp đều Nhất Như
49. Cái Nhất Như này thể tánh huyền diệu, cùng tốt thì chẳng có các duyên
50. Vạn pháp cùng quán, thì tất cả trở về tự nhiên
51. Nó bật hết mọi lý giải, chẳng thể thí dụ được.
52. Ngưng động chẳng cho là tịnh, động ngưng cũng chẳng cho là ngưng
53. Hai đã chẳng thành, thì một làm sao có?
54. Chỗ cứu cánh cùng tốt, thì chẳng còn tuân theo một khuông phép nào cả
55. Khế hợp với bản Tâm thì tất cả bình đẳng, năng tác sở tác đều dứt sạch
56. Mọi cái nghi nơi Tâm đều sạch hết, thì lòng chánh tín được vững ngay
57. Tất cả chẳng lưu giữ nơi tâm, thì không thể ghi nhớ
58. Tâm rộng rang tự chiếu soi, thì chẳng nhọc tâm lực
59. Chỗ lìa suy nghĩ, thì thức tình khó mà suy lường được
60. Trong Chơn Như Pháp Giới, chẳng lập mình chẳng lập người
61. Nếu muốn mau tương ưng, chỉ nói Bất Nhị
62. Chỗ bất nhị đều đồng, thì không có cái gì mà nó không bao dung
63. Người trí trong mười phương, đều vào Tông này
64. Tông không có dài ngắn, vì một niệm là muôn năm (muôn năm là một niệm)
65. Không có chỗ nào mà không hiện, mười phương ở ngay trước mắt
66. Bởi cái cực nhỏ đồng với cái cực lớn, nên quên hết mọi cảnh giới
67. Vì cái cực lớn đồng với cái cực nhỏ, nên chẳng thấy có bờ mé
68. Có tức là không, không tức là có
69. Nếu chẳng như thế, ắt không nên giữ
70. Một là tất cả, tất cả là một
71. Nếu được như thế, lo gì chẳng xong?
72. Tin tự Tâm là bất nhị, tin bất nhị là tự Tâm

73. Đường ngôn ngữ dứt, chẳng phải là quá khứ, hiện tại, vị lai

Bài Văn Tín Tâm Hết

大正新脩大藏經 第48冊 No. 2010
Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh Vol. 48, No. 2010

信心銘

Tín Tâm Minh

隋, 僧璨作
Tùy, Tăng Xán Tác

Hán và Hán-Việt

1. 至道無難, 唯嫌揀擇
Chí Đạo vô nan, duy hiềm giản trạch
2. 但莫憎愛, 洞然明白
Đản mạc tăng ái, động nhiên minh bạch
3. 毫釐有差, 天地懸隔
Hào ly hữu sai, thiên địa huyền cách
4. 欲得現前, 莫存順逆
Dục đắc hiện tiền mạc tồn thuận nghịch
5. 違順相爭, 是為心病
Vi thuận tương tranh thị vi tâm bệnh

6. 不識玄旨， 徒勞念靜
Bất thức huyền chỉ đồ lao niệm tĩnh
7. 圓同太虛， 無欠無餘
Viên đồng thái hư vô khiếm vô dư
8. 良由取捨， 所以不如
Lương do thủ xả, sở dĩ bất như
9. 莫逐有緣， 勿住空忍
Mạc trục huyễn duyên, vật trụ không nhẫn
10. 一種平懷， 泯然自盡
Nhất chủng bình hoài, dẫn nhiên tự tận
11. 止動歸止， 止更彌動
Chỉ động quy chỉ, chỉ cánh di động
12. 唯滯兩邊， 寧知一種
Duy trệ lương biên, ninh tri nhất chủng
13. 一種不通， 兩處失功
Nhất chủng bất thông, lưỡng xứ thất công
14. 遣有沒有， 從空背空
Khiển hữu một hữu, tùng không bối không

15. 多言多慮， 轉不相應
Đa ngôn đa lự, chuyển bất tương ưng
16. 絕言絕慮， 無處不通
Tuyệt ngôn tuyệt lự, vô xứ bất thông
17. 歸根得旨， 隨照失宗
Quy căn đắc chỉ, tùy chiếu thất tông
18. 須臾返照， 勝却 (躩 khước) 前空
Tu du phản chiếu, thắng khước tiền không
19. 前空轉變， 皆由妄見
Tiền không chuyển biến, giai do vọng kiến
20. 不用求真， 唯須息見
Bất dụng cầu chơn, duy tu tức kiến
21. 二見不住， 慎勿追尋
Nhị kiến bất trụ, thận mạc truy tầm
22. 纔有是非， 紛然失心
Tài hữu thị phi, phân nhiên thất tâm
23. 二由一有， 一亦莫守
Nhị do nhất hữu, nhất diệt mạc thủ

24. 一心不生， 萬法無咎
Nhất tâm bất sanh, vạn pháp vô cữu
25. 無咎無法， 不生不心
Vô cữu vô pháp, bất sanh bất tâm
26. 能隨境滅， 境逐能沉¹
Năng tùy cảnh diệt, cảnh trục năng trầm
27. 境由能境， 能由境能
Cảnh do năng cảnh, năng do cảnh năng
28. 欲知兩段， 元是一空
Dục tri lưỡng đoạn, nguyên thị nhất không
29. 一空同兩， 齊含萬像
Nhất không đồng lưỡng, tề hàm vạn tượng
30. 不見精粗²， 寧有偏黨
Bất kiến tinh thô, ninh hữu thiên đảng
31. 大道體寬， 無易無難
Đại đạo thể khoan, vô dị vô nan
32. 小見狐疑， 轉急轉遲
Tiểu kiến hồ nghi chuyển cấp chuyển trì

33. 執之失度， 心入邪路
Chấp chi thất độ, tâm nhập tà lộ
34. 放之自然， 體無去住
Phóng chi tự nhiên, thể vô khứ trụ
35. 任性合道， 逍遙絕惱
Nhậm tánh hợp Đạo, tiêu dao tuyệt nảo
36. 繫念乖真， 昏沉³不好
Hệ niệm quai chơn, hôn trầm bất hảo
37. 不好勞神， 何用疏⁴親
Bất hảo lao thần, hà dụng sơ thân
38. 欲趣一乘， 勿惡六塵
Dục thú nhất thừa, vật ô lục trần
39. 六塵不惡， 還同正覺
Lục trần bất ác, hoàn đồng chánh giác
40. 智者無為， 愚人自縛
Trí giả vô vi, ngu nhân tự phược
41. 法無異法， 妄自愛著
Pháp vô dị pháp, vọng tự ái trước

42. 將心用心， 豈非大錯
Tương tâm dụng tâm, khởi phi đại thác
43. 迷生寂亂， 悟無好惡
Mê sanh tịch loạn, ngộ vô hảo ác
44. 一切二邊 妄自斟酌
Nhất thiết nhị biên, lương do châm trước
45. 夢幻空華， 何勞把捉
Mộng huyền hư hoa, hà lao bả tróc
46. 得失是非， 一時放卻⁵
Đắc thất thị phi, nhất thời phóng khước
47. 眼若不眠， 諸夢自除
Nhãn nhược bất miên, chư mộng tự trừ
48. 心若不異， 萬法一如
Tâm nhược bất dị, vạn pháp nhất như
49. 一如體玄， 兀爾忘緣
Nhất như thể huyền, ngộ nhĩ vong duyên
50. 萬法齊觀 歸復自然
Vạn pháp tề quán, quy phục tự nhiên

51. 泯其所以， 不可方比
Mẫn kỳ sở dĩ, bất khả phương tỷ
52. 止動無動， 動止無止
Chỉ động vô động, động chỉ vô chỉ
53. 兩既不成， 一何有爾
Lưỡng ký bất thành, nhất hà hữu nhĩ
54. 究竟窮極， 不存軌則
Cứu cánh cùng cực, bất tồn quỹ tắc
55. 契⁶心平等， 所作俱息
Khế tâm bình đẳng, sở tác câu tức
56. 狐疑盡淨， 正信調直
Hồ nghi tận tịnh, chánh tín điều trực
57. 一切不留， 無可記憶
Nhất thiết bất lưu, vô khả ký ức
58. 虛明自照⁷， 不勞心力
Hư minh tự chiếu, bất lao tâm lực
59. 非思量處， 識情難測
Phi tư lượng xứ, thức tình nan trắc

60. 真如法界， 無他無自
Chơn như pháp giới, vô tha vô tự
61. 要急相應， 唯言不二
Yêu cấp tương ứng, duy ngôn bất nhị
62. 不二皆同， 無不包容
Bất nhị giai đồng, vô bất bao dung
63. 十方智者， 皆入此宗
Thập phương trí giả, giai nhập thử tông
64. 宗非促延， 一念萬年 (萬年一念)
Tông phi xúc diên, nhất niệm vạn niên (vạn niên nhất niệm)
65. 無在不在， 十方目前
Vô tại bất tại, thập phương mục tiền
66. 極小同大， 妄絕境界
Cực tiểu đồng đại, vọng tuyệt cảnh giới
67. 極大同小， 不見邊表
Cực đại đồng tiểu, bất kiến biên biểu
68. 有即是無， 無即是有
Hữu tức thị vô, vô tức thị hữu

69. 若不如是， 必不須守
Nhược bất như thị, Tâm bất tu thủ
70. 一即一切， 一切即一
Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất
71. 但能如是， 何慮不畢
Đản năng như thị, hà lự bất tất
72. 信心不二， 不二信心
Tín tâm bất nhị, bất nhị tín tâm
73. 言語道斷， 非去來今
Ngôn ngữ đạo đoạn, phi khứ lai kim

信心銘之終
Tín Tâm Minh Chi Chung

Chú Thích

1. Trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh dùng chữ *Trầm* này 沈. Nhưng chữ trầm đó tra trong tự điển Hán Việt thì không có thông dụng, mà phải là chữ *Trầm* này 沉. Do vậy người dịch đã đổi lại và dùng theo tự điển Hán Việt cho thuận tiện.
2. Trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh ghi là 僮. Nhưng chữ đó tra trong tự điển Hán Việt thì không có nghĩa. Dò trong các bản dịch khác thì chữ đó nên là chữ 粗 (Thô). Do vậy người dịch đã đổi lại và dùng cho đúng từ.
3. Trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh dùng chữ và ghi là 沈愠 (Trầm Hôn). Chữ *Trầm* đó đã nói ở trên rồi và đã sửa rồi. Còn chữ *Hôn* đó có nghĩa là rối loạn hay lo lắng, không hợp với lời sách. Nếu hợp với nghĩa sách thì nên ghi là *Hôn Trầm* và dùng hai chữ này 昏沉. Do vậy người dịch đã sửa lại cho phù hợp.
4. Trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh dùng chữ *Sơ* này 疎. Nhưng chữ sơ đó tra trong tự điển Hán Việt thì không có thông dụng, mà phải là chữ *Sơ* này 疏. Do vậy người dịch đã đổi lại và dùng theo tự điển Hán Việt cho thuận tiện.
5. Trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh dùng chữ *Tức* này 却. Nhưng chữ sơ đó tra trong tự điển Hán Việt là giản thể của chữ *Khước* 卻, mà chữ khước thì có ý nghĩa và phù hợp với các bản dịch khác. Do vậy người dịch đã đổi lại cho thuận tiện dễ hiểu.
6. Trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh dùng chữ 啟(Khải). Nhưng chữ khải thì không hợp ý nghĩa của bài văn, lại tra trong các bản dịch khác thì thấy ghi là chữ 契(Khế). Chữ Khế phù hợp hơn nên người dịch đã đổi lại cho đúng để dễ hiểu.
7. Trong Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh dùng chữ 然 (Nhiên). Tuy dùng chữ *Nhiên* cũng được nhưng không sáng nghĩa bằng dùng chữ 照 (Chiếu). Thật vậy, các bản dịch khác thì dùng chữ *Chiếu*. Do vậy người dịch đã sửa lại thành chữ *Chiếu* cho sáng nghĩa và phù hợp với các bản dịch khác.

Tài Liệu Tham Khảo

1. Bản chữ Hán được lấy và dịch từ Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Sách Thứ 48, Số 2010, Đồi Tỳ, Tam Tổ Tăng Xán Sáng Tác, ở trang Trung Hoa Điện Tử Phật Điện Hiệp Hội (CBETA).
http://tripitaka.cbeta.org/T48n2010_001
2. Hán Việt Từ Điển: <http://hanviet.org/>
3. Tín Tâm Minh Tịch Nghĩa Giải của Thiền Sư Trung Phong Minh Bồn do HT Thích Duy Lực Việt Dịch.
4. Tín Tâm Minh Giảng Giải của HT Thích Thanh Từ
5. Tín Tâm Minh của Trúc Thiên Việt Dịch
6. Tín Tâm Minh của Dương Gia Việt Dịch.